

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2026/HNGĐ-ST
ngày 20 - 01 - 2026
V/v “*Tranh chấp Hôn nhân
& Gia đình*”

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng - Ông Hoàng Công Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trung - Chức vụ: Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Nghệ An: Bà Hoàng Thị Thanh - Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số: 39/2025/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025 về Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 193/2025/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ: xóm N, xã D, tỉnh Nghệ An (*có mặt*)

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: xóm N, xã D, tỉnh Nghệ An.

Hiện cư trú tại Canada (*vắng mặt lần thứ 2*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau tự nguyện làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2011 tại UBND xã D (nay là xã M), tỉnh Nghệ An. Sau khi cưới về vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không có tiếng nói chung, nhất là vào năm 2023 anh Q đi nước ngoài nên tình cảm vợ chồng lại càng phai nhạt, do đó chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 04 con chung là Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 08/8/2012; Nguyễn Gia B; sinh ngày 14/8/2016; Nguyễn Như N; sinh ngày 23/11/2022 và Nguyễn Như N1; sinh ngày 23/11/2022 hiện nay các con đang ở với chị. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả 4 con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn Q:

Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, anh Q vắng mặt. Chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh Q cư trú, làm việc ở đâu mà chỉ biết hiện nay anh Q đang sinh sống tại Canada. Kết quả xác minh tại ông Nguyễn Văn C (Bố đẻ của anh Q), địa chỉ xóm N, xã D, tỉnh Nghệ An, ông cho biết chị Trần Thị T là vợ anh Q và là con dâu của ông. Anh Q, chị T lấy nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn tại UBND xã D nay là xã M vào năm 2011. Sau khi kết hôn, anh Q, chị T về sinh sống cùng với vợ chồng ông tại xóm N, xã D. Năm 2023, anh Q đi xuất khẩu lao động tại Canada, một tuần anh Q có liên lạc thông qua mạng facebook, gọi bằng hình ảnh video về cho ông khoảng hai đến ba lần để hỏi thăm tình hình và sức khỏe. Từ khi đi xuất khẩu lao động cho đến nay anh Q chưa lần nào về nhà và cũng không nói khi nào về, ông có hỏi về nơi cư trú, làm việc nhưng anh Q không cung cấp thông tin. Quá trình vợ chồng sống xa nhau, giữa anh Q và chị T phát sinh mâu thuẫn cãi vã làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Quá trình chung sống anh Q, chị T có 04 con chung là các cháu: Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 08/8/2012; Nguyễn Gia B; sinh ngày 14/8/2016; Nguyễn Như N; sinh ngày 23/11/2022 và Nguyễn Như N1; sinh ngày 23/11/2022, hiện nay các cháu đang sống với chị T. Trường hợp chị T giữ nguyên ý kiến ly hôn với anh Q, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt niêm yết thông báo thụ lý vụ án; yêu cầu anh Q có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án; gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Q theo thủ tục niêm yết công khai các văn bản trên theo quy định của pháp luật nhưng hiện tại anh Q vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì. Theo trình bày của ông Nguyễn Văn C (bố mẹ của anh Q) thì anh Q thường xuyên điện thoại về cho gia đình nhưng không nói rõ địa chỉ hiện tại cụ thể ở đâu và anh Q đã biết việc chị T làm đơn ly hôn anh tại Tòa án nhưng anh Q không có ý kiến gì. Đến ngày xét xử vụ án anh Q cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chấp hành không nghiêm chỉnh quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Q

Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 08/8/2012; Nguyễn Gia B; sinh ngày 14/8/2016; Nguyễn Như N; sinh ngày 23/11/2022 và Nguyễn Như N1; sinh ngày 23/11/2022 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Chị T chưa yêu cầu

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của chị T, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị T trình bày anh Q đang ở Canada nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành xác minh tại người thân của anh Q là ông Nguyễn Văn C (bố đẻ của anh Q) cung cấp thông tin hiện nay anh Q đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, mặc dù không biết nơi cư trú cụ thể, nhưng anh Q thường xuyên gọi điện cho gia đình. Ngày 15 tháng 10 năm 2025, Phòng quản L Công an tỉnh N đã có công văn trả lời số: 4217/PA08-Đ1 hiện anh Q đã sử dụng hộ chiếu K0176650 để xuất cảnh vào ngày 10 tháng 5 năm 2023 qua cửa khẩu T1 hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Do anh Q trước khi xuất cảnh có địa chỉ cuối cùng tại xóm N, xã D, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn C (Bố đẻ của anh Q) cung cấp hiện nay anh Q đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nhưng không biết địa chỉ cụ thể; anh Q vẫn gọi điện thoại về cho gia đình và đã biết được chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhưng anh Q không có ý kiến gì. Như vậy, anh Q đã biết được chị T yêu cầu ly hôn nhưng vẫn không cung cấp địa chỉ và vắng mặt là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo. Vì vậy, căn cứ Điều 207; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T, anh Nguyễn Văn Q kết hôn ngày 28/12/2011 tại UBND xã D (nay là xã M), tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa chị T, anh Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ theo quy định của định pháp luật. Do đó hôn nhân giữa chị T, anh Q là hôn nhân hợp pháp.

- Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị T nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống thiếu tin tưởng và không quan tâm đến nhau. Hiện tại 2 bên đã sống ly thân. Sau khi thụ lý, Tòa án đã niêm yết và tổng đạt hợp lệ cho anh Q nhưng anh Q vắng mặt không có lý do, sau đó Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bố của anh Q là bố đẻ; ông cam kết thông báo lại cho anh Q, anh Q đã biết chị T xin ly hôn tại Tòa án tuy nhiên trong quá trình giải quyết anh Q vẫn vắng mặt và không có văn bản ý kiến gì gửi về cho Tòa án điều đó chứng tỏ anh Q không mong muốn tìm giải pháp để hàn gắn tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng.

Xét mâu thuẫn giữa chị T, anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân & Gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

[3] Về con chung: Hiện các cháu Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 08/8/2012; Nguyễn Gia B; sinh ngày 14/8/2016; Nguyễn Như N; sinh ngày 23/11/2022 và Nguyễn Như N1; sinh ngày 23/11/2022 đang ở với chị T, để tránh xáo trộn sinh hoạt học tập và tâm lý của các cháu cần tiếp tục giao 04 con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành; anh Q có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con theo quy định.

Về cấp dưỡng: Nguyên đơn chưa yêu cầu nên miễn xét

[4] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình 2014. Điều 39, Điều 147, khoản 4 Điều 207; Điều 228; Điều 238; Điều 273, Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 1 Luật số 81/2025/QH15 ngày 24/06/2025; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

[2]. Về con chung: Tiếp tục giao 04 con chung là cháu Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 08/8/2012; Nguyễn Gia B; sinh ngày 14/8/2016; Nguyễn Như N; sinh ngày 23/11/2022 và Nguyễn Như N1; sinh ngày 23/11/2022 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành; anh Q có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con theo quy định.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000707 ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Diễn Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Nhung